# VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## THÔNG TƯ
## Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018;

2. Thông tư số 41/2019/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2020;

3. Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

4. Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước;*[1]

---

[1] Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*"

Thông tư số 41/2019/TT-BCT bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;*

*Thực hiện Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.[2] Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (Nghị định số 83/2014/NĐ-CP) và Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của

---

*ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,"*

Thông tư số 42/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,"*

Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước;"*

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (Nghị định số 95/2021/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng đối với thương nhân Việt Nam kinh doanh xăng dầu tại thị trường Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Bên giao đại lý*: là thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khi giao xăng dầu cho bên đại lý.

2. *Bên đại lý*: là tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu khi nhận xăng dầu của bên giao đại lý.

3.[3] *Bên bán xăng dầu*:

a) Là thương nhân đầu mối hoặc doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy sản xuất xăng dầu (trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) bán cho thương nhân đầu mối khác hoặc cho thương nhân phân phối xăng dầu;

b) Là thương nhân phân phối xăng dầu bán xăng dầu cho thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc bán xăng dầu cho đơn vị sản xuất sử dụng xăng dầu trực tiếp.

4.[4] *Bên mua xăng dầu*:

a) Là thương nhân đầu mối mua xăng dầu của thương nhân đầu mối khác;

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

b) Là thương nhân phân phối xăng dầu mua xăng dầu của các thương nhân đầu mối hoặc của thương nhân phân phối xăng dầu khác;

c) Là đơn vị sử dụng xăng dầu trực tiếp phục vụ cho hoạt động sản xuất.

5. *Bên nhượng quyền bán lẻ xăng dầu*: là thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu, cấp quyền thương mại cho bên nhận quyền bán lẻ xăng dầu.

6. *Bên nhận quyền bán lẻ xăng dầu*: là thương nhân kinh doanh xăng dầu, nhận quyền thương mại từ bên nhượng quyền bán lẻ xăng dầu.

7. *Nhượng quyền bán lẻ xăng dầu*: là việc bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận nhượng quyền tiến hành công việc kinh doanh bán lẻ xăng dầu của mình theo một hệ thống do bên nhượng quyền quy định và được gắn với hàng hóa, nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo của bên nhượng quyền. Thời hạn của hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu phù hợp với thời hạn hiệu lực của Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu nhưng tối thiểu phải là mười hai (12) tháng.

8.[5] Giá xăng dầu thế giới là giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch trên thị trường Singapore của hãng tin S&P Global Platt hoặc hãng tin khác có uy tín và chất lượng tương đương công bố.

**Điều 3. Hợp đồng đại lý xăng dầu**

1. Hợp đồng đại lý xăng dầu phải được lập thành văn bản, có các nội dung chủ yếu sau:

---

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

a) Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên đại lý và bên giao đại lý; hình thức đại lý; số lượng, chất lượng, chủng loại xăng dầu, cách thức giao nhận, giá bán, thù lao đại lý; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và của Thông tư này;

b) Trách nhiệm của các bên đối với chất lượng xăng dầu; chế độ kiểm tra, giám sát chất lượng xăng dầu và liên đới chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng xăng dầu bán ra trong hệ thống đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối hoặc của thương nhân phân phối hoặc của thương nhân là tổng đại lý (khi là Bên giao đại lý);

c) Quy định cụ thể về việc cung cấp hoá đơn, chứng từ; trả thù lao; hoá đơn, chứng từ về hàng hoá lưu thông trên đường cho phương tiện vận tải xăng dầu đại lý theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Lựa chọn phương tiện vận tải xăng dầu đại lý, quy định trách nhiệm bảo hiểm người, phương tiện, bảo đảm an toàn trong khi vận chuyển, trách nhiệm về số lượng, chất lượng xăng dầu, rủi ro, tổn thất, quy trình giao nhận, cước phí vận chuyển và các quy định khác do các bên thoả thuận, cam kết trong hợp đồng đại lý.

2.[6] (được bãi bỏ).

**Điều 4. Hợp đồng mua bán xăng dầu**

Hợp đồng mua bán xăng dầu phải được lập thành văn bản, có các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên bán và bên mua; số lượng, chất lượng, chủng loại xăng dầu, cách thức giao nhận, giá mua, giá bán; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và của Thông tư này.

2. Trách nhiệm của các bên đối với chất lượng xăng dầu.

---

[6] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

3. Quy định cụ thể về việc cung cấp hóa đơn, chứng từ mua bán xăng dầu; hóa đơn, chứng từ về hàng hóa lưu thông trên đường cho phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 5. Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu**

1. Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu phải được lập thành văn bản, có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhượng quyền và bên nhận quyền; nội dung quyền bán lẻ xăng dầu; số lượng, chất lượng, chủng loại xăng dầu, cách thức giao nhận; giá cả, phí nhượng quyền định kỳ, phương thức thanh toán; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và của Thông tư này;

b) Quy định cụ thể về việc cung cấp hoá đơn, chứng từ xăng dầu khi thực hiện hoạt động nhượng quyền; hóa đơn, chứng từ về hàng hóa lưu thông trên đường cho phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính;

2. Thời hạn hợp đồng tối thiểu phải là mười hai (12) tháng.

**Điều 6. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận[7]**

1. Thương nhân có nhu cầu cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu; Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu; Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Bộ Công Thương, Sở Công Thương qua đường công văn hoặc qua mạng điện tử theo địa chỉ do Bộ Công Thương, Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

---

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

2. Thủ tục hành chính do Bộ Công Thương thực hiện

a) Đối với thủ tục hành chính cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

b) Đối với thủ tục hành chính cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

c) Đối với thủ tục hành chính cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

d) Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với hồ sơ đề nghị của thương nhân, Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP; Mẫu số 6, Mẫu số 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

3. Thủ tục hành chính do Sở Công Thương thực hiện

a) Đối với thủ tục hành chính cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn một (01) tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

b) Đối với thủ tục hành chính cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

c) Đối với thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

d) Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với hồ sơ đề nghị của thương nhân, Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 4, Mẫu số 8, Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

**Điều 6a. Điều hành giá xăng dầu[8]**

1. Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng, dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường gồm xăng sinh học, xăng khoáng, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút. Bộ Công Thương xác định từng mặt hàng xăng, dầu tiêu dùng nhiều nhất thuộc các nhóm mặt hàng xăng sinh học, xăng khoáng, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút để thực hiện công bố giá cơ sở.

2. Báo cáo lượng xăng dầu sản xuất trong nước: Định kỳ, trước ngày 29 của tháng cuối Quý, thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu báo cáo sản lượng bán xăng dầu trong nước theo từng chủng loại theo Mẫu số 7a tại Phụ lục kèm theo Thông tư này trong kỳ từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý về Bộ Công Thương để tổng hợp tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu trong công thức giá cơ sở.

## Chương II
## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XĂNG DẦU

**Điều 7. Thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu**

Thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu có trách nhiệm:

1. Đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu định kỳ với Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân đầu mối, trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân đầu mối phải gửi đăng ký điều chỉnh về Bộ Công Thương.

---

[8] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

2.[9] Báo cáo số liệu nhập - xuất - tồn kho xăng dầu và tồn kho xăng dầu tại ba Miền theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Bộ Công Thương theo định kỳ hằng tháng, quý, năm và báo cáo nhanh khi có yêu cầu của Bộ Công Thương. Thương nhân đầu mối gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính các báo cáo định kỳ về Bộ Công Thương trước ngày 20 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.

3.[10] Báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình thực hiện nhập khẩu xăng dầu, mua xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước, pha chế xăng dầu, xuất khẩu xăng dầu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Công Thương trước ngày 20 của tháng kế tiếp.

4. Ký hợp đồng đại lý để giao xăng dầu cho bên nhận đại lý là tổng đại lý, đại lý thực hiện phân phối xăng dầu.

5. Ký hợp đồng mua, bán xăng dầu với thương nhân đầu mối khác; hợp đồng bán xăng dầu cho thương nhân phân phối xăng dầu.

6. Ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.

7.[11] Bán buôn xăng dầu cho đơn vị sản xuất, tiêu dùng trực tiếp.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 19 của Thông tư số 42/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 19 của Thông tư số 42/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

Công ty con của thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp được thực hiện các công việc theo nội dung ủy quyền của thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, bao gồm:

a) Ký hợp đồng bán xăng dầu cho thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu khác và bán xăng dầu cho đơn vị sản xuất, tiêu dùng trực tiếp;

b) Ký hợp đồng bán xăng dầu cho thương nhân phân phối xăng dầu;

c) Ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu;

d) Ký hợp đồng giao đại lý.

8. Quản lý hệ thống phân phối xăng dầu, các thương nhân thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân đầu mối, bảo đảm hoạt động kinh doanh xăng dầu theo đúng các quy định của pháp luật, ổn định thị trường, giá cả.

9. Lập kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối, cơ sở vật chất kỹ thuật kinh doanh xăng dầu của mình tại các vùng, miền và các tỉnh, thành phố đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường.

10.[12] (được bãi bỏ)

**Điều 8. Thương nhân phân phối xăng dầu**

Thương nhân phân phối xăng dầu có trách nhiệm:

1. Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu với Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trong vòng mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân phải gửi đăng ký điều chỉnh về Bộ Công Thương.

---

[12] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

2. Báo cáo số liệu nhập - xuất - tồn kho xăng dầu và tồn kho xăng dầu tại ba Miền theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Bộ Công Thương theo định kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo nhanh khi có yêu cầu của Bộ Công Thương. Thương nhân phân phối xăng dầu gửi các báo cáo định kỳ về Bộ Công Thương trước ngày hai mươi (20) của tháng đầu kỳ kế tiếp.

3. Ký hợp đồng mua xăng dầu của thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác theo đúng quy định tại Điều 15 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

4. Ký hợp đồng đại lý để giao xăng dầu cho bên nhận đại lý thực hiện phân phối xăng dầu.

5. Ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.

6. Quản lý hệ thống phân phối xăng dầu, các thương nhân thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân phân phối, bảo đảm hoạt động kinh doanh xăng dầu theo đúng các quy định của pháp luật, ổn định thị trường, giá cả.

**Điều 9. Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu**

Thương nhân là tổng đại lý kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm:

1. Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu của tổng đại lý với bên giao đại lý, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương trước ngày 10 tháng 01 hàng năm theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của tổng đại lý, trong vòng mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân là tổng đại lý phải gửi đăng ký điều chỉnh về bên giao đại lý, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương.

2. Ký hợp đồng làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Tổng đại lý phải thanh lý hợp đồng đại lý với bên giao đại lý hiện tại trước khi ký hợp đồng làm tổng đại lý cho bên giao đại lý khác.

3. Ký hợp đồng đại lý để giao xăng dầu cho bên nhận đại lý thực hiện phân phối xăng dầu.

4. Trên cơ sở hợp đồng ký kết với bên giao đại lý, tổ chức cung ứng xăng dầu liên tục, ổn định cho toàn bộ hệ thống phân phối của tổng đại lý, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của thị trường.

5. Không được bán cao hơn giá bán lẻ do thương nhân đầu mối quy định.

6. Từ chối tiếp nhận xăng dầu của bên giao đại lý trong trường hợp có cơ sở khẳng định xăng dầu không bảo đảm chất lượng.

**Điều 10. Đại lý bán lẻ xăng dầu**

Thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu có trách nhiệm:

1. Đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu của đại lý bán lẻ với bên giao đại lý và Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối trước ngày 05 tháng 01 hàng năm theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của đại lý bán lẻ, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân là đại lý bán lẻ phải gửi đăng ký điều chỉnh về bên giao đại lý và Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối.

2. Ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Đại lý phải thanh lý hợp đồng đại lý với bên giao đại lý hiện tại trước khi ký hợp đồng làm đại lý cho bên giao đại lý khác.

3. Bảo đảm cung ứng liên tục xăng dầu ra thị trường và không được bán cao hơn giá bán lẻ do thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định.

4. Từ chối tiếp nhận xăng dầu của bên giao đại lý trong trường hợp có cơ sở khẳng định xăng dầu không bảo đảm chất lượng.

**Điều 11. Thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu**

Thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu có trách nhiệm:

1. Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu với bên nhượng quyền, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương trước ngày 05 tháng 01 hàng năm, theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân phải gửi đăng ký điều chỉnh về bên nhượng quyền, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương.

2. Ký hợp đồng nhận quyền bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và phù hợp pháp luật về nhượng quyền thương mại. Thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu phải thanh lý hợp đồng nhượng quyền với bên nhượng quyền hiện tại trước khi ký hợp đồng nhận quyền bán lẻ xăng dầu với bên nhượng quyền khác.

**Điều 11a. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ[13]**

1. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là thiết bị bao gồm đồng hồ đo xăng dầu và thùng chứa xăng, dầu có sức chứa tĩnh tại nhiệt độ thực tế không quá 200 lít/thiết bị.

2. Địa bàn được phép hoạt động của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là những địa bàn thuộc các huyện theo danh mục kèm theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này.

---

[13] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

## Chương III
## XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU XĂNG DẦU VÀ NGUYÊN LIỆU

### Điều 12. Đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm[14]

1. Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của năm kế tiếp theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước).

2. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của thương nhân, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

3. Trường hợp không phân giao hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, thương nhân gửi công văn về Bộ Công Thương trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

5. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước theo quy định hoặc theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương trong trường hợp Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước để đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước.

---

[14] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

**Điều 13. Xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu**

1.[15] Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu chỉ được phép xuất khẩu xăng dầu sau khi Bộ Công Thương chấp thuận.

2. Bộ Công Thương xem xét đề nghị xuất khẩu xăng dầu của thương nhân trên cơ sở cân đối nguồn cung, nhu cầu tiêu thụ trong nước, để đảm bảo việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến cung cầu xăng dầu tại thị trường trong nước.

3. Việc xuất khẩu nguyên liệu (không bao gồm xăng dầu) không phải cấp phép.

4.[16] Việc xuất khẩu xăng dầu của thương nhân sản xuất xăng dầu thực hiện theo kế hoạch (hoặc kế hoạch điều chỉnh) đã được Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) xác nhận theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5. Thương nhân gửi Đơn đăng ký xuất khẩu xăng dầu đến Bộ Công Thương qua đường bưu điện, theo Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương có văn bản chấp thuận việc xuất khẩu hoặc có văn bản thông báo lý do không đồng ý.

**Điều 14. Kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu**

1. Chỉ thương nhân có Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu được kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu.

2. Thương nhân bán xăng dầu cho các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP phải có đăng ký ngành nghề kinh doanh

---

[15] Cụm từ "thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu" được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

cung ứng xăng dầu hàng không. Thương nhân bán xăng dầu cho các đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP phải có đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ cung ứng tầu biển hoặc thông qua Công ty cung ứng tầu biển là đại lý cung ứng để bán xăng dầu.

3.[17] Thời gian xăng dầu kinh doanh tạm nhập, tái xuất được lưu giữ tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4.[18] Thương nhân được phép tạm nhập xăng dầu và nguyên liệu theo lô lớn và tái xuất nguyên lô hoặc theo từng lô nhỏ từ các kho chứa nội địa của thương nhân theo đúng số lượng và chủng loại đã tạm nhập trừ đi lượng hao hụt không cao hơn lượng hao hụt theo định mức trong quá trình tiếp nhận và tồn chứa.

5. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu được chuyển vào tiêu thụ nội địa số lượng xăng dầu đã tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc không tái xuất hết sau khi đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, tài chính, kể cả tiền chậm nộp thuế (nếu có) theo quy định và phải tuân thủ các quy định hiện hành về quy chuẩn chất lượng xăng dầu nhập khẩu, lưu thông trên thị trường trong nước.

## Chương IV
## SẢN XUẤT, GIA CÔNG XUẤT KHẨU XĂNG DẦU

### Điều 15. Sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

1. Thương nhân sản xuất xăng dầu phải đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu với Bộ Công Thương.

2. Việc nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, việc xuất khẩu xăng dầu do thương nhân sản xuất ra thực hiện theo kế hoạch đăng ký và được Bộ Công Thương xác nhận.

3. Thương nhân chỉ được đăng ký nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu quy định tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, phù hợp công suất sản xuất.

4. Nguyên liệu nhập khẩu chỉ được sử dụng để sản xuất xăng dầu tại cơ sở của thương nhân. Việc thay đổi mục đích sử dụng nguyên liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Công Thương.

**Điều 16. Hồ sơ, thủ tục đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu**

1. Hồ sơ đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu gồm:

a) Đơn đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: bốn (04) bản chính.

b) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: một (01) bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

c) Tài liệu chứng minh thương nhân có cơ sở sản xuất xăng dầu theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư: bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

d) Tài liệu chứng minh thương nhân có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu, đủ năng lực để kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng xăng dầu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng: bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

2. Thương nhân có cơ sở sản xuất ổn định, từ lần đăng ký thứ 2 không phải nộp các giấy tờ quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục xác nhận kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu

a) Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, thương nhân sản xuất xăng dầu nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu theo quy định tại khoản 1 Điều này cho năm tiếp theo.

b) Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương xác nhận đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu cho thương nhân thực hiện. Văn bản xác nhận được gửi cho Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính để làm thủ tục, kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu của thương nhân và gửi cho Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ để kiểm tra, giám sát thương nhân tuân thủ các điều kiện và quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối xác nhận, Bộ Công Thương có văn bản thông báo cho thương nhân biết lý do.

c)[19] Trường hợp thương nhân sản xuất xăng dầu gặp sự cố bất khả kháng dẫn tới gián đoạn hoạt động sản xuất, không bảo đảm được việc giao hàng cho thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo các hợp đồng đã ký, thương nhân sản xuất xăng dầu hoặc doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm của nhà máy sản xuất xăng dầu (trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) được nhập khẩu xăng dầu thành phẩm để bảo đảm thực hiện các hợp đồng bán xăng dầu đã ký sau khi đăng ký với Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) theo thủ tục quy định tại điểm b khoản này.

---

[19] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

4.[20] Thương nhân sản xuất xăng dầu có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình sản xuất, nhập khẩu nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Công Thương trước ngày 10 của tháng kế tiếp theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp thương nhân không bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch sản xuất, pha chế xăng dầu đã được xác nhận đăng ký phải có văn bản báo cáo rõ lý do và đề nghị Bộ Công Thương xác nhận điều chỉnh kế hoạch sản xuất, pha chế, nhập khẩu nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu.

**Điều 17. Gia công xuất khẩu xăng dầu**

1. Chỉ thương nhân sản xuất xăng dầu được nhận gia công xuất khẩu xăng dầu.

2. Trường hợp bên đặt gia công chỉ định bán sản phẩm xăng dầu gia công cho thương nhân Việt Nam để tiêu thụ trong nước, sản phẩm gia công chỉ được bán cho thương nhân đầu mối và tuân thủ các quy định hiện hành về quy chuẩn chất lượng xăng dầu nhập khẩu, lưu thông trên thị trường trong nước.

3. Trường hợp thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu mua xăng dầu gia công được tính trừ vào hạn mức tối thiểu nhập khẩu xăng dầu.

## Chương V
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN[21]

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 19 của Thông tư số 42/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

[21] - Điều 8 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, quy định như sau:

"***Điều 8. Điều khoản thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.*

*2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết".*

- Điều 9 Thông tư số 41/2019/TT-BCT bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2020, quy định như sau:

***"Điều 9. Hiệu lực thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.*

*2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương để xử lý".*

- Điều 37 Thông tư số 42/2019/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020, quy định như sau:

***"Điều 37. Hiệu lực thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.*

*2. Bãi bỏ các quy định sau:*

*a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.*

*b) Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.*

*c) Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.*

*d) Điều 29 Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực*

*3. Các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương hiện hành phải đảm bảo thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.*

*4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, giải quyết".*

- Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022, quy định như sau:

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

---

***"Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung sau***

*1. Thay thế một số cụm từ tại Thông tư số 38/2014/NĐ-CP như sau:*

*a) Thay thế cụm từ "thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu" bằng cụm từ "thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu".*

*b) Thay thế cụm từ "Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu" bằng cụm từ "Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.".*

*c) Thay thế cụm từ "thương nhân sản xuất xăng dầu" bằng cụm từ "thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu".*

*2. Bãi bỏ một số nội dung tại Thông tư số 38/2014/TT-BCT và Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh đánh giá sự phù hợp, xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương như sau:*

*a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 và khoản 10 Điều 7 của Thông tư số 38/2014/TT-BCT.*

*b) Bãi bỏ Điều 1 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh đánh giá sự phù hợp, xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."*

***Điều 3. Hiệu lực thi hành***

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.*

***Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp***

*Việc đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu bắt đầu thực hiện từ tháng 11 năm 2022 để đăng ký cho năm 2023.*

***Điều 5. Tổ chức thực hiện***

*1. Các thương nhân sản xuất, kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm theo dõi, nắm bắt và tổng hợp số liệu thực tế tại đơn vị, báo cáo về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) các nội dung theo đúng quy định tại Thông tư số 38/2014/TT-BCT và Thông tư này. Các báo cáo được gửi đến Bộ Công Thương bằng văn bản và qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ: xangdau@moit.gov.vn.*

*2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.*

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

1. Vụ Thị trường trong nước

a) Chủ trì thực hiện, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp thực hiện công việc đã quy định tại Điều 6 Chương I; Chương II của Thông tư này;

b) Chủ trì thực hiện, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra điều kiện, cấp, thu hồi Giấy phép, Giấy xác nhận đã cấp theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên bộ, trên mặt nước, quy định thực hiện thống nhất trong cả nước;

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan quy định tỷ lệ hao hụt xăng dầu phục vụ công tác quản lý nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp Vụ Thị trường trong nước, Vụ Tài chính, Văn phòng Bộ thực hiện công khai, minh bạch thông tin về kinh doanh xăng dầu, thông tin tài chính doanh nghiệp trên trang Thông tin điện tử của Bộ.

4. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chủ trì, phối hợp với Vụ Thị trường trong nước theo dõi, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

5. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức, cá nhân có liên quan; thương nhân kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

---

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: 16/VBHN-BCT

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2021*

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hồng Diên**

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 1 | Đăng ký/đăng ký điều chỉnh hệ thống phân phối xăng dầu |
| Mẫu số 2 | Báo cáo nhập - xuất - tồn kho xăng dầu và tồn kho xăng dầu theo ba miền |
| Mẫu số 3 | Báo cáo thực hiện lộ trình sở hữu cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu |
| Mẫu số 4 | Đơn đăng ký xuất khẩu xăng dầu |
| Mẫu số 5 | Báo cáo tình hình nhập khẩu, mua từ nguồn sản xuất trong nước, pha chế, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu |
| Mẫu số 6 | Đăng ký kế hoạch pha chế nguyên liệu thành sản phẩm xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để pha chế thành sản phẩm xăng dầu |
| Mẫu số 7 | Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu |
| Mẫu số 7A | Báo cáo sản lượng xăng dầu xuất bán của nhà máy lọc dầu[22] |
| Mẫu số 8 | Danh mục chi tiết theo mã HS đối với xăng, dầu[23] |

[22] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

[23] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 41/2019/TT-BCT bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

**Mẫu số 1**

| | |
|---|---|
| **TÊN DOANH NGHIỆP**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:..... | *....., ngày... tháng... năm...* |

**ĐĂNG KÝ/ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI XĂNG DẦU CÓ NGUỒN GỐC HÓA THẠCH/NHIÊN LIỆU SINH HỌC**

**(thực hiện theo văn bản riêng)**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu số..... do Bộ Công Thương cấp ngày... tháng... năm.../Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ... ngày... tháng... năm...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp đăng ký/đăng ký điều chỉnh hệ thống phân phối xăng dầu có nguồn gốc hóa thạch/nhiên liệu sinh học của doanh nghiệp, đến thời điểm ngày... tháng... năm... như sau:

**1. Hệ thống kho xăng dầu đầu mối và kho trung chuyển của doanh nghiệp**

- Tổng dung tích/sức chứa kho xăng dầu đầu mối:..... $m^3$

- Tổng dung tích kho trung chuyển:..... $m^3$

*(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)*

**2. Cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc doanh nghiệp**

- Tổng số..... cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)*

**3. Hệ thống đại lý**

**3.1. Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu**

- Tổng đại lý A trên các địa bàn....., có... đại lý bán lẻ.

- Tổng đại lý B trên các địa bàn....., có... đại lý bán lẻ.

- Tổng đại lý C trên các địa bàn....., có... đại lý bán lẻ.

- ...

**3.2. Đại lý bán lẻ xăng dầu**

- Tổng số.... đại lý bán lẻ xăng dầu tại các tỉnh/thành phố.

**3.3. Thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu**

- Tổng số.... đại lý bán lẻ xăng dầu tại các tỉnh/thành phố.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)*

Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai trên đây và cam kết thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu VT,....

**Biểu số 01 của Mẫu 1**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**ĐĂNG KÝ/ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH**

**Hệ thống kho xăng dầu có nguồn gốc hóa thạch/nhiên liệu sinh học của doanh nghiệp**

*(Gửi kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của doanh nghiệp về việc đăng ký/đăng ký điều chỉnh hệ thống phân phối xăng dầu có nguồn gốc hóa thạch/nhiên liệu sinh học)*

| STT | Hệ thống kho | Địa chỉ | Sức chứa ($m^3$, tấn) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Kho xăng dầu đầu mối** | | |
| 1 | Kho A | | |
| 2 | Kho B | | |
| ... | ... | | |
| **II** | **Kho trung chuyển** | | |
| 1 | Kho A | | |
| 2 | Kho B | | |
| | ... | | |
| | **Tổng cộng:** | | |

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

*Ghi chú: Làm trên chương trình Excel*

**Biểu số 02 của Mẫu 1**

**ĐĂNG KÝ/ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH**

**Hệ thống phân phối xăng dầu có nguồn gốc hóa thạch/nhiên liệu sinh học của doanh nghiệp**

*(Gửi kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của doanh nghiệp về việc đăng ký/đăng ký điều chỉnh hệ thống phân phối xăng dầu có nguồn gốc hóa thạch/nhiên liệu sinh học)*

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| **A** | **Cửa hàng bán lẻ trực thuộc doanh nghiệp** | | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng... cửa hàng. Trong đó:** | | | | | | | | | |
| 1 | Cửa hàng A | | | | | | | | | |
| 2 | Cửa hàng B | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| **B** | **Hệ thống đại lý** | | | | | | | | | |

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| **I** | **Tổng đại lý** | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng... tổng đại lý. Trong đó: | | | | | | | | | |
| **1** | ***Tên doanh nghiệp là Tổng đại lý*** | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| **1.1** | **Các cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của doanh nghiệp** | | | | | | | | | |
| 1.1.1 | Cửa hàng A | | | | | | | | | |
| 1.1.2 | Cửa hàng B | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| **1.2** | **Các đại lý bán lẻ thuộc** | | | | | | | | | |

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| | **hệ thống** | | | | | | | | | |
| 1.2.1 | Đại lý A | | | | | | | | | |
| 1.2.1.1 | Cửa hàng A1 | | | | | | | | | |
| 1.2.1.2 | Cửa hàng A2 | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| 1.2.2 | Đại lý B | | | | | | | | | |
| 1.2.2.1 | Cửa hàng B1 | | | | | | | | | |
| 1.2.2.2 | Cửa hàng B2 | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| ***2*** | ***Tên doanh nghiệp là Tổng đại lý*** | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| **2.1** | **Các cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của doanh nghiệp** | | | | | | | | | |

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| 2.1.1 | Cửa hàng A | | | | | | | | | |
| 2.1.2 | Cửa hàng B | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| **2.2** | **Các đại lý bán lẻ thuộc hệ thống** | | | | | | | | | |
| 2.2.1 | Đại lý A | | | | | | | | | |
| 2.2.1.1 | Cửa hàng A1 | | | | | | | | | |
| 2.2.1.2 | Cửa hàng A2 | | | | | | | | | |
| 2.2.2 | Đại lý B | | | | | | | | | |
| 2.2.2.1 | Cửa hàng B1 | | | | | | | | | |
| 2.2.2.2 | Cửa hàng B2 | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| ***3*** | ***Tên doanh nghiệp là Tổng đại lý*** | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| **II** | **Đại lý** | | | | | | | | | |

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| | **Tổng cộng... đại lý Trong đó** | | | | | | | | | |
| 1 | Đại lý A | | | | | | | | | |
| 1.1 | Cửa hàng A1 | | | | | | | | | |
| 1.2 | Cửa hàng A2 | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| 2 | Đại lý B | | | | | | | | | |
| 2.1 | Cửa hàng B1 | | | | | | | | | |
| 2.2 | Cửa hàng B2 | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | |
| **III** | **Thương nhân nhận quyền bán lẻ** | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng... thương nhân. Trong đó | | | | | | | | | |

| STT | Loại hình | Mã doanh nghiệp/ Mã số thuế | Địa chỉ | | | | Điện thoại, Fax | Giấy xác nhận làm tổng đại lý, đại lý/Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh/ TP | Quận/ huyện/ thị xã | Xã/ phường /thị trấn | Đường phố, số nhà/ thôn | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp |
| 1 | Thương nhân A | | | | | | | | | |
| 1.1 | Cửa hàng A1 | | | | | | | | | |
| 1.2 | Cửa hàng A2 | | | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | | | |
| 2 | Thương nhân B | | | | | | | | | |
| 2.1 | Cửa hàng B1 | | | | | | | | | |
| 2.2 | Cửa hàng B2 | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | |

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

*Ghi chú: Làm trên chương trình Excel*

**Mẫu số 2**

**TÊN DOANH NGHIỆP**
**-------**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**----------**

Số: ..., ngày... tháng... năm...

## BÁO CÁO NHẬP - XUẤT - TỒN KHO XĂNG DẦU

Kỳ báo cáo: ngày/tháng/quý/năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp báo cáo kết quả nhập - xuất - tồn kho xăng dầu theo kỳ báo cáo như sau:

ĐVT: m³, tấn (mazut)

| TT | Mặt hàng | Tồn kho đầu kỳ (ngày/tháng/năm) | Nhập trong kỳ (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | | Xuất trong kỳ (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | | Tồn kho cuối kỳ (ngày/tháng/năm/) | Dự kiến nhập kỳ tới (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nhập tiêu thụ nội địa | | | | | Tạm nhập | Tiêu thụ nội địa | Bán cho thương nhân đầu mối khác/ thương nhân phân phối xăng dầu | Xuất cho sản xuất, pha chế | Hao hụt | Xuất khác | Tái xuất | | Số lượng | Nguồn nhập | | | | |
| | | | Nhập khẩu | Nhập từ nhà máy sản xuất trong nước | Mua từ thương nhân đầu mối khác | Tự sản xuất, pha chế | Nhập khác | | | | | | | | | | Nhập khẩu | Nhập từ nhà máy sản xuất trong nước | Mua từ thương nhân đầu mối khác | Tự sản xuất, pha chế | Nhập khác |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xăng không chì | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xăng sinh học | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Dầu Diesel | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Mặt hàng | Tồn kho đầu kỳ (ngày/tháng/năm) | Nhập trong kỳ (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | | Xuất trong kỳ (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | | Tồn kho cuối kỳ (ngày/tháng/năm/) | Dự kiến nhập kỳ tới (từ ngày/tháng/năm... đến ngày/tháng/năm...) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nhập tiêu thụ nội địa | | | | | Tạm nhập | Tiêu thụ nội địa | Bán cho thương nhân đầu mối khác/ thương nhân phân phối xăng dầu | Xuất cho sản xuất, pha chế | Hao hụt | Xuất khác | Tái xuất | | Số lượng | Nguồn nhập | | | | |
| | | | Nhập khẩu | Nhập từ nhà máy sản xuất trong nước | Mua từ thương nhân đầu mối khác | Tự sản xuất, pha chế | Nhập khác | | | | | | | | | | Nhập khẩu | Nhập từ nhà máy sản xuất trong nước | Mua từ thương nhân đầu mối khác | Tự sản xuất, pha chế | Nhập khác |
| 4 | Dầu hỏa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Dầu mazut | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Nhiên liệu bay | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

*Ghi chú:*

*- Làm trên chương trình Excel.*

*- Mục nhập khác: nếu có, ghi rõ nguồn nhập từ đâu.*

*- Mục xuất khác: nếu có, ghi rõ xuất đi đâu.*

**TÊN DOANH NGHIỆP**
**-------**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**----------**

Số: ..., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO TỒN KHO XĂNG DẦU THEO BA MIỀN**

Kỳ báo cáo: ngày/tháng/quý/năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Công Thương

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp báo cáo tồn kho xăng dầu theo ba miền theo kỳ báo cáo như sau:

ĐVT: $m^3$, tấn (mazut)

| TT | Mặt hàng | Tổng cộng tồn kho | | Tồn kho tại miền Bắc | | Tồn kho tại miền Trung | | Tồn kho tại miền Nam | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Tương ứng số ngày tiêu thụ bình quân | Số lượng | Tương ứng số ngày tiêu thụ bình quân | Số lượng | Tương ứng số ngày tiêu thụ bình quân | Số lượng | Tương ứng số ngày tiêu thụ bình quân |
| | Tổng cộng | | | | | | | | |
| 1 | Xăng không chì | | | | | | | | |
| 2 | Xăng sinh học | | | | | | | | |
| 3 | Dầu diesel | | | | | | | | |
| 4 | Dầu hỏa | | | | | | | | |
| 5 | Dầu mazut | | | | | | | | |
| 6 | Nhiên liệu bay | | | | | | | | |

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

*Ghi chú: Làm trên chương trình Excel*

- Miền Bắc gồm 26 tỉnh, thành phố: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa.

- Miền Trung gồm 18 tỉnh, thành phố: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Miền Nam gồm 19 tỉnh, thành phố: Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Hậu Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

**Mẫu số 3**

| | |
|---|---|
| **TÊN DOANH NGHIỆP**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:... | ..., ngày... tháng... năm... |

**BÁO CÁO**

**Thực hiện lộ trình đầu tư kho, phương tiện vận tải, cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu số... được Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp ngày... tháng... năm...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp xin báo cáo kết quả thực hiện lộ trình đầu tư kho, phương tiện vận tải, cửa hàng bán lẻ xăng dầu quy định tại Điều 7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, trong thời gian... năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu như sau:

**1. Lộ trình đầu tư kho xăng dầu**

| STT | Tên kho | Địa chỉ kho | Dung tích ($m^3$ ) | Hình thức sở hữu/Đồng sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |

**2. Lộ trình đầu tư phương tiện vận tải xăng dầu**

| STT | Loại hình phương tiện | Sức chứa ($m^3$ ) | Hình thức sở hữu/ Đồng sở hữu |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

**3. Lộ trình đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu**

| STT | Tên cửa hàng | Địa chỉ | Hình thức sở hữu/ Đồng sở hữu |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo và các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ gửi kèm./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

**Ghi chú:**

Trường hợp đồng sở hữu, nêu rõ:

- Số vốn góp, tỷ lệ góp vốn;

- Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ của doanh nghiệp đồng sở hữu.

**Mẫu số 4**

| | |
|---|---|
| **TÊN DOANH NGHIỆP**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:... | ..., ngày... tháng... năm... |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu số... được Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp ngày... tháng... năm...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp đề nghị Bộ Công Thương cho phép xuất khẩu xăng dầu, cụ thể:

| STT | Chủng loại | Số lượng ($m^3$, tấn) | Nguồn hàng (nhập khẩu, sản xuất, pha chế trong nước) |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai trên đây và cam kết thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

**Mẫu số 5**

| | |
|---|---|
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:... | ..., ngày... tháng... năm... |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU, MUA TỪ NGUỒN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC, PHA CHẾ, XUẤT KHẨU, TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Công ty (Thương nhân nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu) báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu/mua xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước/tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu trong tháng... năm... như sau:

**NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA**

*Đơn vị: m³/tấn, nghìn USD*

| Chủng loại (chi tiết từng chủng loại) | Thị trường nhập khẩu | Thực hiện tháng báo cáo | | Lũy kế từ đầu năm | | Ước thực hiện tháng kế tiếp | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá |
| ..... | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | |

*Ghi chú: Lượng xăng dầu nhập khẩu để tiêu thụ nội địa nêu trên không bao gồm lượng xăng dầu đã tạm nhập nhưng không tái xuất, chuyển vào nội địa, Lượng xăng dầu nhập khẩu bao gồm cả các loại nguyên liệu nhập khẩu để pha chế xăng dầu*

**MUA TỪ NGUỒN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**

| Chủng loại | Thực hiện tháng báo cáo | | Lũy kế từ đầu năm | | Ước thực hiện tháng kế tiếp | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá |
| ..... | | | | | | |
| ..... | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | |

**Pha chế xăng dầu**

| Chủng loại | Thực hiện trong tháng | | Lũy kế đến hết tháng báo cáo | | Ước thực hiện tháng tiếp theo | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng ($m^3$, tấn) | Trị giá (USD/VND) | Số lượng ($m^3$, tấn) | Trị giá (USD) | Số lượng ($m^3$, tấn) | Trị giá (USD) |
| I. Nguyên liệu | | | | | | |
| 1. Trong nước | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | |
| 2. Nhập khẩu | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | |
| II. Sản phẩm pha chế | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng số sản phẩm | | | | | | |

**XUẤT KHẨU XĂNG DẦU**

| **Chủng loại** | **Giấy phép của Bộ Công Thương** | **Thị trường xuất khẩu** | **Thực hiện tháng báo cáo** | | **Lũy kế từ đầu năm** | | **Ước thực hiện tháng kế tiếp** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số, ngày cấp** | | **Số lượng** | **Trị giá** | **Số lượng** | **Trị giá** | **Số lượng** | **Trị giá** |
| ... | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | |

**TẠM NHẬP ĐỂ TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU**

| Chủng loại | Thị trường nhập khẩu | Thực hiện tháng báo cáo | | Lũy kế từ đầu năm | | Ước thực hiện tháng kế tiếp | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá |
| ..... | | | | | | | |
| .... | | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | |

**TÁI XUẤT**

| Chủng loại | Thị trường tái xuất | Thực hiện tháng báo cáo | | Lũy kế từ đầu năm | | Ước thực hiện tháng kế tiếp | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá | Số lượng | Trị giá |
| .... | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | |

Thương nhân cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo trên đây./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

**Mẫu số 6**

| | |
|---|---|
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:... | ..., ngày... tháng... năm... |

**ĐĂNG KÝ**
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT XĂNG DẦU, NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT XĂNG DẦU, TIÊU THỤ SẢN PHẨM XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ... ngày... tháng... năm...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thương nhân đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ xăng dầu năm... như sau:

| STT | Chủng loại | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| I | Nguyên liệu | | | |
| 1 | Trong nước | | | |
| 2 | Nhập khẩu | | | |
| II | Sản xuất | | | |
| III | Tiêu thụ sản phẩm | | | |
| 1 | Tiêu thụ nội địa | | | |
| 2 | Xuất khẩu | | | |

*Ghi chú: Thương nhân đăng ký các mục nguyên liệu, sản xuất, pha chế và tiêu thụ sản phẩm phải chi tiết theo từng chủng loại.*

Thương nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên đây và cam kết thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

| | |
|---|---|
| **XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ TẠI BỘ CÔNG THƯƠNG**<br>Ngày... tháng... năm... | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)* |

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Tổng cục Hải quan;
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Lưu:...

**Mẫu số 7**

| | |
|---|---|
| **TÊN THƯƠNG NHÂN**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------** |
| Số:... | ..., ngày... tháng... năm... |

**BÁO CÁO**
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT XĂNG DẦU, NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT XĂNG DẦU, TIÊU THỤ SẢN PHẨM XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ... ngày... tháng... năm...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BCT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thương nhân báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất/pha chế xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu trong tháng... năm... như sau:

| TT | Chủng loại | Kế hoạch năm ($m^3$, tấn) | Thực hiện tháng báo cáo ($m^3$, tấn) | Lũy kế đến hết tháng báo cáo ($m^3$, tấn) | Ước thực hiện tháng tiếp theo ($m^3$, tấn) |
|---|---|---|---|---|---|
| I | Nguyên liệu | | | | |
| 1 | Trong nước | | | | |
| | .... | | | | |
| | Tổng số | | | | |
| 2 | Nhập khẩu | | | | |
| | ... | | | | |
| | Tổng số | | | | |

| TT | Chủng loại | Kế hoạch năm ($m^3$, tấn) | Thực hiện tháng báo cáo ($m^3$, tấn) | Lũy kế đến hết tháng báo cáo ($m^3$, tấn) | Ước thực hiện tháng tiếp theo ($m^3$, tấn) |
|---|---|---|---|---|---|
| III | Sản xuất | | | | |
| | ... | | | | |
| | Tổng số | | | | |
| IIII | Tiêu thụ sản phẩm | | | | |
| 1 | Tiêu thụ nội địa | | | | |
| | ... | | | | |
| | Tổng số | | | | |
| 2 | Xuất khẩu | | | | |
| | -... | | | | |
| | Tổng số | | | | |

*Ghi chú: Thương nhân báo cáo các mục nguyên liệu, sản xuất, pha chế và tiêu thụ sản phẩm phải chi tiết theo từng chủng loại.*

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo trên đây./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- Trường hợp xuất khẩu xăng dầu, đề nghị ghi rõ số lượng, chủng loại đối với từng thị trường xuất khẩu.

- Trường hợp nhận gia công, đề nghị ghi chú rõ số lượng sản phẩm gia công. Trường hợp bên đặt gia công chỉ định bán tại chỗ, đề nghị ghi rõ số lượng bán tại chỗ, hình thức bán, tên thương nhân mua.

**PHỤ LỤC SỐ 7A[24]**

**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG XĂNG DẦU XUẤT BÁN CỦA NHÀ MÁY LỌC DẦU**

**Kỳ phát sinh: Quý..../năm....**

(Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số...../2021/TT-BCT ngày..... tháng..... năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT)

| STT | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Sản lượng thực tế xuất bán | | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bán trong nước | Xuất khẩu | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| .... | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | |

[24] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

**Mẫu số 8**

## DANH MỤC CHI TIẾT THEO MÃ HS ĐỐI VỚI XĂNG, DẦU[25]

| Mã hàng | Mô tả hàng hóa |
|---|---|
| **27.09** | **Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô** |
| 2709.00.10 | - Dầu mỏ thô |
| 2709.00.20 | - Condensate |
| 2709.00.90 | - Loại khác |
| **27.10** | **Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải** |
| 2710.12 | - - Dầu nhẹ và các chế phẩm: |
| | - - - Xăng động cơ, có pha chì: |
| 2710.12.11 | - - - - RON 97 và cao hơn |
| 2710.12.12 | - - - - RON 90 và cao hơn nhưng dưới RON 97 |
| 2710.12.13 | - - - - RON khác |
| | - - - Xăng động cơ, không pha chì: |

[25] Danh mục này được bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 41/2019/TT-BCT bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

| Mã hàng | Mô tả hàng hóa |
|---|---|
| | - - - - RON97 và cao hơn: |
| 2710.12.21 | - - - - - Chưa pha chế |
| 2710.12.22 | - - - - - Pha chế với ethanol |
| 2710.12.23 | - - - - - Loại khác |
| | - - - - RON 90 và cao hơn nhưng dưới RON 97: |
| 2710.12.24 | - - - - - Chưa pha chế |
| 2710.12.25 | - - - - - Pha chế với ethanol |
| 2710.12.26 | - - - - - Loại khác |
| | - - - - RON khác: |
| 2710.12.27 | - - - - - Chưa pha chế |
| 2710.12.28 | - - - - - Pha chế với ethanol |
| 2710.12.29 | - - - - - Loại khác |
| | - - - Xăng máy bay, loại sử dụng cho động cơ máy bay kiểu piston: |
| 2710.12.31 | - - - - Octane 100 và cao hơn |
| 2710.12.39 | - - - - Loại khác------- |
| 2710.12.80 | - - - Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ |
| | - - - Loại khác |
| 2710.12.92 | - - - - Loại khác, spirit dầu mỏ, có độ chớp cháy dưới 23°C |
| 2710.19 | - - Loại khác: |
| 2710.19.20 | - - - Dầu thô đã tách phần nhẹ |
| | - - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu: |
| 2710.19.71 | - - - - Nhiên liệu diesel cho ô tô |

| Mã hàng | Mô tả hàng hóa |
|---|---|
| 2710.19.72 | - - - - Nhiên liệu diesel khác |
| 2710.19.79 | - - - - Dầu nhiên liệu |
| 2710.19.81 | - - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên |
| 2710.19.82 | - - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C |
| 2710.19.83 | - - - Các kerosine khác |
| 2710.20.00 | - Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải |

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

| | |
|---|---|
| Địa chỉ: | Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội |
| Điện thoại liên hệ: | |
| - Nội dung: | 080.44417; Fax: 080.44517 |
| - Phát hành: | 080.48543 |
| Email: | congbao@chinhphu.vn |
| Website: | http://congbao.chinhphu.vn |
| In tại: | Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng |